

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

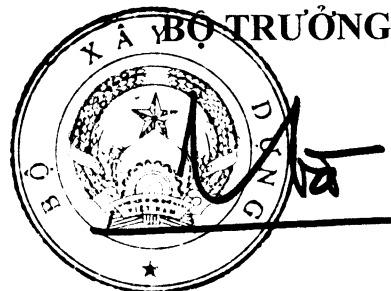
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng; Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./B*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Các Thứ trưởng Bộ XD;
- Lưu VT, Vụ KHTC.



Phạm Hồng Hà

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH XÂY DỰNG
Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng
và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
05 năm 2016 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 499/QĐ-BXD ngày 27/5/2016
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016-2020, căn cứ chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng ban hành Chương trình hành động của Ngành Xây dựng với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng, các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của ngành Xây dựng nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2016-2020. Đồng thời bảo đảm tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành Xây dựng, đáp ứng được yêu cầu phát triển của Ngành, trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Chương trình hành động phải xác định đúng các nội dung cần được thể chế hóa, cụ thể hóa và đạt kết quả cụ thể trong giai đoạn 2016-2020.

3. Chương trình hành động là căn cứ để các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương, các doanh nghiệp trong toàn Ngành tiến hành xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của ngành Xây dựng của cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 2016-2020.

II. MỤC TIÊU, CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

- Phát triển ngành Xây dựng đạt trình độ tiên tiến ngang tầm với các nước trong khu vực. Tiếp cận và làm chủ các công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và có khả năng cạnh tranh quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu mới, vật liệu chất lượng cao, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư;

- Kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường, liên kết và phân bổ hợp lý theo lãnh thổ; phát huy vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các đô thị trong từng địa bàn, khu vực, vùng và toàn quốc. Chú trọng xây dựng và thực hiện quy hoạch nông thôn phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và đặc điểm cụ thể của từng vùng, miền, địa bàn;

- Tăng cường kiểm soát, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, hiệu quả. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội, đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở của người dân theo các mục tiêu trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2016-2020:

- Giá trị sản xuất của toàn Ngành tăng trưởng bình quân từ 9%-14%/năm; một số sản phẩm chủ yếu có bước phát triển đột phá, cơ bản chiếm lĩnh được thị trường trong nước, từng bước vươn ra thị trường khu vực và thế giới;

- Tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt khoảng 38-40%; Tỷ lệ quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch chung các đô thị đạt 100%; Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt khoảng 95%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đạt khoảng 90%;

- Diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 25m² sàn/người, trong đó tại đô thị đạt khoảng 29m² sàn/người, tại nông thôn đạt khoảng 22m² sàn/người; đầu tư xây dựng mới khoảng 12,5 triệu m² nhà ở xã hội tại khu vực đô thị.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước

a) Rà soát tổng thể và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư xây dựng¹, đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế. Ban hành đầy đủ, kịp thời các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật; có các hình thức phù hợp để tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật và đánh giá tác động của Luật, cơ chế chính sách đã ban hành; xây dựng và thực hiện nghiêm Chương trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2016-2020 (có danh mục kèm theo); trước mắt, thực hiện tốt việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo

¹ Gồm các Luật hiện hành: Xây dựng, Quy hoạch đô thị, Đất đai, Đầu tư, Đầu tư công, Đấu thầu, Doanh nghiệp, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản, Phòng cháy, chữa cháy, Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

sự thống nhất, phù hợp giữa các Luật xây dựng chuyên ngành với Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp theo sự chỉ đạo của Chính phủ; dự kiến xây dựng Luật Kiến trúc, Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Cấp nước,...

- Thực hiện: các Cục, Vụ, Viện chuyên ngành, Vụ Pháp chế; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương;

- Thời hạn hoàn thành: theo tiến độ xây dựng các đề án, văn bản quy phạm pháp luật hàng năm và kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 – 2017, định hướng đến năm 2020.

b) Rà soát, hệ thống hóa, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, suất đầu tư, đơn giá đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý theo cơ chế thị trường, phát triển khoa học – công nghệ, hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả đầu tư; xây dựng cơ sở dữ liệu giá xây dựng, thực hiện công bố chỉ số giá xây dựng trên cả nước.

- Thực hiện: Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (về quy chuẩn, tiêu chuẩn); Vụ Kinh tế xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng (về định mức kinh tế - kỹ thuật, chi phí xây dựng); các Cục, Vụ, Viện chuyên ngành; Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: xây dựng đề án cụ thể trong năm 2016, hoàn thành thực hiện đến năm 2018.

c) Đẩy mạnh cải cách hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, trọng tâm là cải cách các thủ tục hành chính; thực hiện chuẩn hóa, công bố công khai, minh bạch, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

- Thực hiện: các Cục, Vụ, Viện chuyên ngành, Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ; Trung tâm Thông tin; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương;

- Thời hạn hoàn thành: đến hết năm 2016 hoàn thành việc chuẩn hóa và công bố công khai các thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng; đến năm 2018 hoàn thành các công việc còn lại.

d) Thực hiện việc phân cấp, ủy quyền hợp lý trong các hoạt động xây dựng, gồm: thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng; cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng, theo hướng rõ trách nhiệm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và năng lực thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư...

- Thực hiện: các Cục, Vụ chuyên ngành, Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương;

- Thời hạn hoàn thành: trong năm 2016.

đ) Đôn đốc, hướng dẫn, đánh giá việc thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng.

- Thực hiện: Cục Hoạt động xây dựng.

e) Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng công trình, an toàn xây dựng; giảm thiểu số vụ mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn chịu lực nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị theo Chỉ thị số 05/2016/CT-TTg ngày 15/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; nâng cao hiệu quả công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán, kiểm tra nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng nhất là đối với các công trình có vốn nhà nước, công trình trọng điểm, công trình có quy mô lớn, phức tạp, ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng...

- Thực hiện: Cục Giám định nhà nước về chất lượng CTXD, Cục Hoạt động xây dựng, các Cục, Vụ chuyên ngành; phối hợp với các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện hàng năm; đến năm 2017 hoàn thành việc tổ chức, kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn chịu lực nhà ở và công trình công cộng, nguy hiểm tại đô thị

g) Nâng cao năng lực của các cơ quan chuyên môn về xây dựng, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng; thực hiện đăng tải công khai thông tin năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng và cá nhân hành nghề xây dựng theo quy định.

- Thực hiện: Cục Hoạt động xây dựng, Trung tâm Thông tin, các Cục, Vụ chuyên ngành; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương; các doanh nghiệp tư vấn xây dựng, thi công xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện hàng năm; đến năm 2017 hoàn thành việc đăng tải công khai thông tin năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng và cá nhân hành nghề xây dựng theo quy định.

2. Phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, thân thiện với môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của các đô thị

a) Xây dựng khung pháp lý và các công cụ, chính sách cụ thể, đồng bộ, hoàn chỉnh để quản lý và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, trọng tâm là xây dựng để Chính phủ trình Quốc hội ban hành các Luật về Quản lý phát triển đô thị, Kiến trúc, Cấp nước; rà soát, sửa đổi, bổ sung các định hướng, chiến lược, chương trình, kế hoạch về phát triển đô thị, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, từng vùng và cả nước theo từng giai đoạn.

- Thực hiện: Cục Phát triển đô thị, Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ Pháp chế; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2019 hoàn thành việc trình Quốc hội thông qua các Luật trên, hoàn thành việc xây dựng các định hướng, chiến lược, chương trình, kế hoạch về phát triển đô thị.

b) Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế, khu chế xuất; hoàn thành việc nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, vùng TP.Hồ Chí Minh, vùng đồng bằng sông Cửu Long và các đồ án quy hoạch xây dựng quan trọng khác;

- Thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, Viện Quy hoạch xây dựng miền Nam, Văn phòng Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng; phối hợp với các Bộ liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: theo tiến độ từng đồ án được giao.

c) Hoàn thành việc lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp các đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, làm cơ sở để quản lý trật tự xây dựng, phát triển đô thị.

- Thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Cục Phát triển đô thị, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, Viện Quy hoạch xây dựng miền Nam; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2018 hoàn thành quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch chung các đô thị; cơ bản hoàn thành quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đối với những khu vực cần phải có quy hoạch, quy chế để quản lý trật tự xây dựng, phát triển đô thị.

c) Tổ chức nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh các quy hoạch cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn các vùng kinh tế trọng điểm, vùng lưu vực sông nhằm góp phần bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên nước nhất là các vùng dọc theo các lưu vực sông, các dự án bảo đảm an ninh cấp nước cho các vùng bị xâm nhập mặn.

- Thực hiện: Cục Hạ tầng kỹ thuật; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: theo tiến độ của từng đồ án được giao.

d) Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án cấp quốc gia về phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật², nhằm từng bước nâng cao chất lượng đô thị, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, thúc đẩy tăng trưởng tại các khu vực, địa bàn còn khó khăn như vùng núi, ven biển và hải đảo.

² Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia, đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Chương trình quốc gia về chống thất thoát, thất thu nước sạch; Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn; Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn; Chương trình đầu tư xử lý nước thải các đô thị lớn, lưu vực sông...

- Thực hiện: Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch – Kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: theo tiến độ của từng chương trình, đề án, dự án.

đ) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng và giữa các địa phương trong việc huy động các nguồn lực, đầu tư xây dựng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng.

- Thực hiện: Cục Hạ tầng kỹ thuật, Viện Kinh tế xây dựng; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2020.

e) Tiếp tục thực hiện tốt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2016-2020”; phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực theo chức danh, vị trí việc làm đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp

- Thực hiện: Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, Cục Phát triển đô thị, Vụ Tổ chức cán bộ; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: theo kế hoạch thực hiện Đề án được phê duyệt.

g) Tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam theo hướng hiện đại, có bản sắc, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản kiến trúc dân tộc; nghiên cứu các mô hình kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, nhà ở ứng phó với biến đổi khí hậu; các mẫu kiến trúc nhà ở, công trình công cộng khu vực nông thôn phù hợp với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và đặc điểm của từng địa phương.

- Thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Viện Kiến trúc quốc gia; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2020.

3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, thông suốt, hiệu quả; thực hiện tái cơ cấu thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trọng tâm là đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội.

a) Xây dựng hệ thống công cụ để quản lý, kiểm soát sự phát triển của thị trường bất động sản theo hướng ổn định, bền vững, có cấu trúc hoàn chỉnh và đồng bộ, kết nối liên thông với các thị trường khác của nền kinh tế, bảo đảm khai thác và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực đầu tư phát triển bất động sản, nhất là tài nguyên đất đai; chủ động xây dựng các kịch bản và các giải pháp, công cụ thị trường, công cụ quản lý để điều tiết, kiểm soát, bình ổn thị trường.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Viện Kinh tế xây dựng, Cục Phát triển đô thị; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp bất động sản;

- Thời hạn hoàn thành: Thực hiện hàng năm; đến năm 2017 hoàn thành Đề án Đánh giá tình hình, dự báo xu hướng, đề xuất các giải pháp thị trường; cơ chế, chính sách quản lý để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định lành mạnh trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết của Chính phủ về một số giải pháp quản lý và thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản

b) Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là nhà ở xã hội; khắc phục lệch pha cung - cầu, phát triển đa dạng các loại hàng hóa bất động sản nhà ở, bao gồm nhà ở để bán, nhà ở cho thuê, thuê mua, có giá cả phù hợp với khả năng thanh toán của đại đa số đối tượng trong xã hội; kiểm soát cơ cấu phân khúc sản phẩm, đẩy mạnh phát triển phân khúc nhà ở cho thuê.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Viện Kinh tế xây dựng; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp bất động sản;

- Thời hạn: Thực hiện hàng năm; đến năm 2020 hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược.

c) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về thị trường vốn trung hạn, dài hạn trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản, nhà ở.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Viện Kinh tế xây dựng; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp bất động sản;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2020.

d) Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội trọng điểm³. Xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình hợp lý để huy động các nguồn lực, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội khu vực đô thị, khu công nghiệp; Quy hoạch và khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất đô thị dành cho phát triển nhà ở xã hội.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp bất động sản;

- Thời hạn hoàn thành: Thực hiện hàng năm. Các chương trình hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội thực hiện theo tiến độ cụ thể của từng chương trình; tại khu vực đô thị, đến năm 2020 xây dựng mới được khoảng 12,5 triệu m² nhà ở xã hội.

³ Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công, Chương trình hỗ trợ hộ nghèo khu vực nông thôn về nhà ở (Chương trình 167 giai đoạn 2), Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở khu vực thường xuyên ngập lũ Đồng bằng sông Cửu Long (giai đoạn 2 kéo dài); Chương trình thí điểm xây dựng nhà ở tăng cường khả năng chống chịu với các điều kiện biến đổi khí hậu vùng thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai tại 100 xã ven biển Việt Nam (phối hợp với UNDP).

đ) Đôn đốc, hướng dẫn thực hiện tốt Nghị định về xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về nhà ở, bất động sản; hoàn thành dự án đầu tư xây dựng hệ thống này trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng hệ thống thông tin, chỉ đạo, quản lý thị trường bất động sản thống nhất, tin cậy; thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, góp phần bảo đảm cho thị trường hoạt động công khai, minh bạch.

- Thực hiện: Viện Kinh tế xây dựng, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Trung tâm Thông tin; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện hàng năm; năm 2020 hoàn thành dự thảo Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về nhà ở, bất động sản, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

e) Đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ cải tạo các chung cư cũ xuống cấp, gây nguy hiểm, quá hạn sử dụng tại các đô thị, đặc biệt là tại Thủ đô Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp bất động sản;

- Thời hạn: Thực hiện hàng năm; đến năm 2017 có báo cáo đánh giá tình hình triển khai cải tạo chung cư cũ; đến năm 2020, triển khai khoảng 30% các dự án cải tạo chung cư cũ.

4. Tăng cường quản lý, phát triển vật liệu xây dựng theo quy hoạch, bảo đảm cân đối cung - cầu bình ổn thị trường; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng, quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo hướng khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Kiểm soát, định hướng quy hoạch sản phẩm vật liệu xây dựng có sử dụng tài nguyên.

- Thực hiện: Vụ Vật liệu xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: Đến năm 2020.

b) Đẩy mạnh phát triển vật liệu xây không nung, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường; sử dụng chất thải sinh hoạt, phế thải công nghiệp làm nguyên, nhiên liệu sản xuất các loại vật liệu xây dựng; thực hiện lộ trình xóa bỏ lò gạch, lò vôi thủ công.

- Thực hiện: Vụ Vật liệu xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp xây dựng, doanh nghiệp vật liệu xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2020 cơ bản xóa bỏ lò gạch thủ công, lò vôi thủ công; thực hiện tái sử dụng khoảng 60% lượng tro, xỉ thạch cao được thải ra từ các nhà máy nhiệt điện, nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất, luyện kim để sản xuất vật liệu xây dựng.

c) Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu mới, vật liệu chất lượng cao, đảm bảo theo quy hoạch, cân đối cung - cầu; đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và một phần cho xuất khẩu, duy trì sự bình ổn thị trường xi măng và các loại vật liệu xây dựng chủ yếu.

- Thực hiện: Vụ Vật liệu xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp vật liệu xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2020, sản lượng các loại vật liệu xây dựng chủ yếu đạt khoảng: 105 triệu tấn xi măng, 550 triệu m² vật liệu ốp lát, 21 triệu sản phẩm sứ vệ sinh, 140 triệu m² kính xây dựng, 30 tỷ viên vật liệu xây quy tiêu chuẩn (trong đó vật liệu xây không nung chiếm khoảng 40%); giá trị gia tăng bình quân lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng khoảng 10%/năm.

5. Thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng quản lý

a) Thực hiện tái cơ cấu các doanh nghiệp ngành Xây dựng theo hướng xây dựng các sản phẩm, dịch vụ mũi nhọn có tính chuyên môn hóa, chuyên biệt cao; áp dụng đầy đủ khung quản trị hiện đại đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường và cạnh tranh bình đẳng; thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh của các doanh nghiệp ngành Xây dựng. Hình thành một số doanh nghiệp lớn trong ngành có trình độ quản lý hiện đại, công nghệ tiên tiến, có tiềm lực về vốn, đủ năng lực cạnh tranh ở tầm khu vực; các doanh nghiệp vừa và nhỏ được sắp xếp, tái cơ cấu phù hợp với thị trường xây dựng. Các doanh nghiệp trong ngành có đủ năng lực mở rộng, tiến tới chiếm lĩnh và chi phối thị trường xây dựng trong nước, tiếp cận và hội nhập quốc tế.

- Thực hiện: Vụ Quản lý doanh nghiệp, Vụ Kinh tế xây dựng, Vụ Kế hoạch – Tài chính; phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp ngành Xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2020.

b) Hoàn thành việc tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng theo đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt; xây dựng một số doanh nghiệp xây dựng trọng điểm phục vụ định hướng phát triển của Ngành

- Thực hiện: Vụ Quản lý doanh nghiệp, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ; các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: năm 2017 hoàn thành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ; đến năm 2020 cơ bản hoàn thành việc tái cơ cấu theo đề án đã được phê duyệt, hoàn thiện mô hình đại diện quản lý phần vốn nhà nước.

c) Đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế theo Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đẩy mạnh cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ;

- Thời hạn hoàn thành: trong năm 2016 hoàn thành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập-thuộc Bộ; đến năm 2017 hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo quy hoạch, thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với tất cả các đơn vị sự nghiệp; cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Tổng kết thực hiện Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ; đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng và các đơn vị thuộc Bộ.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ;

- Thời hạn hoàn thành: trong năm 2016.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, trong đó trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính

a) Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thực hiện kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản điều hành giữa Bộ Xây dựng với các cơ quan của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thực hiện: Trung tâm Thông tin, Văn phòng Bộ; các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ;

- Thời hạn hoàn thành: trong năm 2016.

b) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính: cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam; công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản.

- Thực hiện: Trung tâm Thông tin, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Cục Hoạt động xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2018, chi tiết theo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 04/10/2015 về Chính phủ điện tử.

c) Xây dựng Đề án về cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ công tác quản lý điều hành của Bộ Xây dựng và lãnh đạo Bộ; xây dựng hệ thống thông tin thống kê ngành xây dựng; xây dựng, công khai hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản, thông tin về quy hoạch đô thị

- Thực hiện: Vụ Kế hoạch Tài chính, Trung tâm Thông tin, Văn phòng Bộ, các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương; các doanh nghiệp ngành Xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: năm 2016 hoàn thành xây dựng đề án; đến 2018 cơ bản hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin, thống kê.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011-2020, trọng tâm là nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, chuyên gia kỹ thuật, công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế; đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo; đẩy mạnh đào tạo nâng cao, đào tạo lại, mở rộng các hình thức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Ngành Xây dựng.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị; các cơ sở đào tạo ngành Xây dựng; các doanh nghiệp ngành Xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện thường xuyên hàng năm theo kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

b) Tổng hợp, đánh giá lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp và trình độ đào tạo; kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước ngành Xây dựng từ Trung ương đến địa phương.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện thường xuyên hàng năm.

c) Xây dựng cơ chế tiền lương và các chế độ ưu đãi đối với người lao động ngành Xây dựng theo cơ chế thị trường, phù hợp với điều kiện lao động đặc thù của Ngành và tình hình thực tế thị trường xây dựng, thị trường lao động.

- Thực hiện: Vụ Kinh tế xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng; Công đoàn Xây dựng Việt Nam; các doanh nghiệp ngành Xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2018.

8. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế

a) Tập trung thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, tiên tiến trong các lĩnh vực: hoạt động xây dựng, vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng, quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật.

- Thực hiện: Vụ Khoa học công nghệ, các Cục, Vụ chuyên ngành; các viện nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp ngành Xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: theo kế hoạch thực hiện chiến lược.

b) Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; thực hiện cơ chế đặt hàng các nhiệm vụ khoa học công nghệ, giao khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ thường xuyên theo chức năng; gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất và quản lý phát triển Ngành, nhất là những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn như: xây dựng công trình trên biển, đảo, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu, công trình xanh, tiết kiệm năng lượng, công trình ngầm đô thị...

- Thực hiện: Vụ Khoa học công nghệ, các Cục, Vụ chuyên ngành; các viện nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp ngành Xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện thường xuyên hàng năm.

c) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực của Ngành; chủ động hội nhập quốc tế theo Chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế và kế hoạch của Chính phủ; tiếp tục rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách quản lý nhà nước của Ngành cho phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia (WTO, TPP, AFTA...); chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực cần thiết để tham gia hội nhập quốc tế có hiệu quả theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Thực hiện: Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Pháp chế, các Cục, Vụ chuyên ngành; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngành Xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện thường xuyên hàng năm.

d) Tăng cường vận động và thu hút nguồn lực nước ngoài để hỗ trợ hiện thực hóa các mục tiêu phát triển của Ngành (gồm vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn FDI, chuyên gia quốc tế hỗ trợ kỹ thuật...); hỗ trợ xúc tiến thương mại đầu tư của các doanh nghiệp ngành Xây dựng ra nước ngoài; tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động của Ủy ban liên chính phủ do Bộ trưởng Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Phân ban.

- Thực hiện: Vụ Hợp tác quốc tế, các Cục, Vụ chuyên ngành; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngành Xây dựng;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện thường xuyên hàng năm.

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, tích cực phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Xây dựng

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng (đầu tư xây dựng, quy hoạch và phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản, vật liệu xây dựng); xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đặc biệt là các hành vi tham nhũng, các vi phạm gây thất thoát, lãng phí, các vi phạm về chất lượng công trình và trật tự xây dựng tại khu vực đô thị.

- Thực hiện: Thanh tra Bộ Xây dựng, các Cục, Vụ chuyên ngành thuộc Bộ; Sở Xây dựng, Thanh tra Sở và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành xây dựng tại địa phương;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện thường xuyên theo kế hoạch hàng năm.

b) Tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo, hạn chế tối đa tồn đọng, kéo dài, nhất là khiếu nại trong lĩnh vực nhà, đất.

- Thực hiện: Thanh tra Bộ Xây dựng, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản; phối hợp với Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng, cơ quan Thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thời hạn hoàn thành: Thực hiện thường xuyên hàng năm; đến năm 2020 giải quyết cơ bản các vụ việc tồn đọng về khiếu nại nhà đất.

c) Tăng cường thanh tra, kiểm tra hành chính trong việc chấp hành các quy định của pháp luật và công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng.

- Thực hiện: Thanh tra Bộ Xây dựng, các cơ quan đơn vị thuộc Bộ;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện thường xuyên hàng năm.

d) Chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình thanh tra, kiểm tra hàng năm, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, hạn chế việc ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra, kiểm tra. Thực hiện các giải pháp cụ thể nâng cao trách nhiệm, đạo đức công vụ, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ thanh tra.

- Thực hiện: Thanh tra Bộ Xây dựng, các Cục, Vụ chuyên ngành thuộc Bộ;

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện thường xuyên hàng năm.

10. Kết hợp chặt chẽ việc chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với việc chỉ đạo công tác đảng (trọng tâm là Nghị quyết Trung ương 4 - khóa XI về xây dựng Đảng) và thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh. Tiếp tục đổi mới phương thức, nội dung, chất lượng hoạt động, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các đoàn thể chính trị - xã hội. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, đoàn kết, ứng xử có văn hóa và thực hiện nếp sống văn hóa trong cơ quan, đơn vị

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động của ngành Xây dựng, các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trong ngành Xây dựng căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể của đơn vị để triển khai thực hiện, thời hạn hoàn thành trong tháng 6/2016.

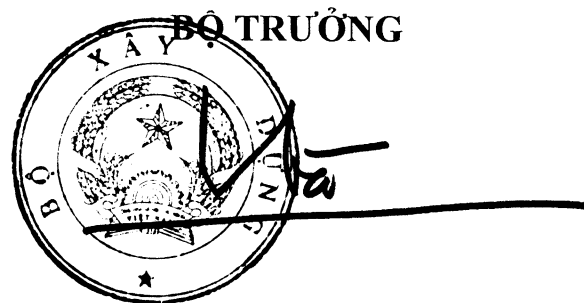
Trong quá trình cứu xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của đơn vị để thực hiện Chương trình hành động này, cần nghiên cứu lồng ghép các nội dung, nhiệm vụ của đơn vị theo kế hoạch thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 – 2017, định hướng đến năm 2020; số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về phát triển doanh nghiệp Việt Nam; số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử; kế hoạch xây dựng đề án, văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của Bộ Xây dựng, Luật tiếp cận thông tin.

2. Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung Chương trình hành động này, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm về quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương vào trong Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2016-2020 và Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 2015-2020.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Xây dựng tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ gửi báo cáo tình hình thực hiện về Bộ Xây dựng (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp theo quy định.

4. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chương trình này; định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định./.

BỘ TRƯỞNG



The image shows the official seal of the Ministry of Construction of Vietnam. The seal is circular and contains the text 'BỘ XÂY DỰNG' (Ministry of Construction) around the perimeter and 'HÀNG TRUNG ƯƠNG' (Central Office) at the bottom. In the center of the seal is the national emblem of Vietnam, which features a five-pointed star, a gear, and a rice stalk. A handwritten signature in black ink is written across the seal.

Phạm Hồng Hà

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CẦN TRIỂN KHAI TRONG 5 NĂM 2016 – 2020 THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 05 NĂM 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số **299**/QĐ-BXD ngày **27** tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Hình thức văn bản
1	Luật Kiến trúc	Vụ Quy hoạch – Kiến trúc	Năm 2018	Quốc hội	Luật
2	Luật Quản lý phát triển đô thị	Cục Phát triển đô thị	Năm 2019	Quốc hội	Luật
3	Luật Cấp nước	Cục Hạ tầng kỹ thuật	Năm 2019	Quốc hội	Luật
4	Nghị quyết của UBTV Quốc hội về phân loại đô thị	Cục Phát triển đô thị	Quý III/2016	UBTV Quốc hội	Nghị quyết
5	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 Quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991	Thanh tra Bộ	Năm 2017	UBTV Quốc hội	Nghị quyết
6	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ Về quản lý đầu tư phát triển đô thị	Cục Phát triển đô thị	Quý III/2016	Chính phủ	Nghị định
7	Phê duyệt bổ sung các dự án thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020	Cục Quản lý nhà &TTBĐS	Quý II/2016	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
8	Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng	Vụ Tổ chức cán bộ	Quý II/2016	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
9	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Xây dựng	Vụ Kế hoạch – Tài chính	Quý II/2016	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định

STT	Tên chương trình/dề án	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Hình thức văn bản
10	Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn đến năm 2025	Cục Hạ tầng kỹ thuật	Quý II/2016	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
11	Điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Hạ tầng kỹ thuật	Quý IV/2016	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
12	Điều chỉnh chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn đến 2015, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Hạ tầng kỹ thuật	Quý IV/2016	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
13	Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam	Cục Phát triển đô thị	Năm 2017	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
14	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng chủ yếu	Vụ Vật liệu xây dựng	Năm 2017	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
15	Điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng	Vụ Vật liệu xây dựng	Năm 2017	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
16	Điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia	Cục Phát triển đô thị	Quý II/2018	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
17	Chiến lược phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2020 - 2030	Cục Phát triển đô thị	Quý IV/2018	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
18	Chương trình phát triển đô thị quốc gia (giai đoạn 2020 – 2030)	Cục Phát triển đô thị	Quý III/2019	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
19	Đề án Xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện	Vụ Quy hoạch – Kiến trúc	Quý II/2016	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
20	Đề án lộ trình áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong thiết kế, xây dựng và quản lý các công trình xây dựng	Viện Kinh tế XD	Quý III/2016	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
21	Đề án đẩy mạnh sử dụng tro, xỉ, thạch cao từ sản xuất nhiệt điện, phân bón hóa chất để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong các công trình xây dựng	Vụ Vật liệu xây dựng	Quý III/2016	Thủ tướng Chính phủ	Đề án

STT	Tên chương trình/dề án	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Hình thức văn bản
22	Đề án Đánh giá tình hình, dự báo xu hướng, đề xuất các giải pháp thị trường; cơ chế, chính sách quản lý để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định lành mạnh trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết của Chính phủ về một số giải pháp quản lý và thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản	Cục Quản lý nhà &TTBDS	Năm 2018	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
23	Đề án sử dụng chất thải công nghiệp làm nguyên liệu, rác thải sinh hoạt đô thị làm nhiên liệu trong sản xuất vật liệu xây dựng để giảm ô nhiễm môi trường	Vụ Vật liệu xây dựng	Năm 2018	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
24	Đề án hoàn thiện thể chế đầu tư xây dựng phù hợp với hội nhập quốc tế và hiệp định TPP	- Vụ Khoa học Công nghệ - Viện Kinh tế XD - Cục Hạ tầng kỹ thuật	Năm 2018	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
25	Đề án Chương trình hành động của ngành Xây dựng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	Viện Kinh tế XD	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
26	Đề án hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, các công cụ quản lý kiểm soát hiệu quả quá trình phát triển đô thị	Cục PTĐT	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
27	Đề án đánh giá sự phát triển thị trường xây dựng, các yếu tố cơ bản tạo ra sự biến động của thị trường, dự báo xu hướng phát triển và đề xuất các giải pháp bình ổn, điều tiết và thúc đẩy sự phát triển của các loại thị trường Xây dựng	Viện Kinh tế XD	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
28	Các Đề án Nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện đồng bộ hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá trong lĩnh vực đầu tư xây dựng	- Vụ Khoa học Công nghệ - Viện Kinh tế XD	Năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
29	Chỉ thị về tiếp tục tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung, hạn chế sản xuất và sử dụng gạch đất sét nung	Vụ Vật liệu xây dựng	Năm 2016	Thủ tướng Chính phủ	Chỉ thị